Người ký: Chi cục Kiểm lâm
Email: cckl@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lâm Đồng
Thời gian ký: 15.08.2023 17:19:38 +07:00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
LÂM ĐỒNG
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 610 /KL-TTPC
V/v rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ của Chi cục Kiểm lâm.

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Văn bản số 206/ĐĐBQH ngày 10/8/2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng về việc đề nghị rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 101/2023/QH15; Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thực hiện như sau:

STT	Tên loại văn bản; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành và tên gọi của văn bản	Nội dung, điều, khoản, quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, vướng mắc	Kiến nghị xử lý (đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ)	Ghi chú
1	Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)	Khoản 3 Điều 66 quy định: *"Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính"*; tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa giải thích rõ như thế nào là vụ việc "*đặc biệt nghiêm trọng*" nên khó áp dụng trong thực tiễn đối với một số vụ việc để xác định thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định.	Đề nghị giải thích hoặc quy định cụ thể vụ việc đặc biệt nghiêm trọng trong Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).	
		Khoản 5a Điều 125 quy định: "*Khi thực hiện việc tạm giữ, người lập biên bản, người có thẩm quyền tạm giữ phải niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, trừ các trường hợp sau đây:*	Sửa đổi, bổ sung khoản 5a Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung	

		a) Động vật, thực vật sống; *b) Hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật*". Quá trình áp dụng quy định trên trong thực tiễn gặp khó khăn đối với các trường hợp: tạm giữ tang vật là lâm sản tại hiện trường (khi chưa tổ chức thu hồi được theo quy định, lâm sản nằm rải rác) hoặc đối với trường hợp lâm sản được vận chuyển trên xe máy cày hoặc xe ben thì việc thực hiện niêm phong là không khả thi.	năm 2020) thêm các trường hợp khi tạm giữ không phải niêm phong để phù hợp với thực tiễn.	
		Đoạn 2 khoản 1 Điều 126 quy định: "*Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước*"; thực tế, các phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính thường có giá trị cao (có trường hợp định giá phương tiện gần 01 tỷ đồng), nên việc áp dụng quy định buộc cá nhân vi phạm nộp một khoản tiền tương đương giá trị phương tiện trong khi đa số cá nhân vi phạm hành chính là người làm thuê, người có hoàn cảnh khó khăn là rất khó thực hiện.	Đề nghị nghiên cứu, xem xét sửa đổi quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cho phù hợp với thực tiễn.	
		Khoản 4 Điều 126 quy định: "*Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 125 của Luật này khi hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận mà không có lý do chính đáng thì được xử lý như sau:* *a) Trường hợp xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho họ 02 lần.*	Đề nghị xem xét sửa đổi quy định tại điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) giảm thời gian tịch thu từ 01 năm thành 01 tháng để đảm bảo phù hợp trong	

		Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; *b) Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo 02 lần trên phương tiện thông tin đại chúng của trung ương hoặc địa phương nơi tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ nhất phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện. Lần thông báo thứ hai được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo thứ nhất. Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính*". Như vậy, trường hợp ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sau 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) áp dụng đối với các loại tang vật vi phạm là: lâm sản, thực vật rừng, động vật rừng và sản phẩm của động vật rừng gặp rất nhiều khó khăn (như: lâm sản để lâu ngày bị giảm phẩm cấp, không đủ điều kiện để bảo quản đối với động vật rừng đã chết hoặc không có đủ điều kiện để nuôi, chăm sóc động vật rừng còn sống,…).	quá trình áp dụng và giải quyết những khó khăn của lực lượng Kiểm lâm gặp phải hiện nay.	

2	Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp và Luật Đầu tư	Quy định về cho thuê đất, rừng phòng hộ và chuyển nhượng dự án, bán tài sản trên đất vẫn còn một số nội dung còn chồng chéo, chưa thống nhất giữa các Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp và Luật Đầu tư; cụ thể như sau: - Quy định về **cho thuê đất rừng phòng hộ** của Luật Đất đai năm 2013: theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Luật Đất đai năm 2013 quy định về cho thuê đất rừng phòng hộ: "*4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho tổ chức kinh tế **thuê đất rừng phòng hộ** thuộc khu vực được kết hợp với kinh doanh cảnh quan, du lịch sinh thái - môi trường dưới tán rừng".* - Quy định về giao rừng phòng hộ, cho thuê rừng sản xuất của Luật Lâm nghiệp: điểm b khoản 2 Điều 16 quy định "*Nhà nước giao rừng phòng hộ không thu tiền sử dụng rừng cho các đối tượng sau đây: b) Tổ chức kinh tế đối với rừng phòng hộ xen kẽ trong diện tích rừng sản xuất của tổ chức đó";* Điều 17 quy định cho cho thuê rừng sản xuất: *"Nhà nước cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân **thuê rừng sản xuất** là rừng tự nhiên, rừng sản xuất là rừng trồng trả tiền thuê rừng một lần hoặc hằng năm để sản xuất lâm nghiệp; sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí".* - Điều 46 Luật Đầu tư quy định về chuyển nhượng dự án đầu tư: "*1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:* *a) Dự án đầu tư hoặc phần dự án đầu tư chuyển nhượng không bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 của Luật này;* *b) Nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án đầu tư, một phần dự án đầu tư phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này;*	Đề nghị sớm ban hành Luật Đất đai sửa đổi.	

		c) Điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; *d) Điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án bất động sản;* *đ) Điều kiện quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có);* *e) Khi chuyển nhượng dự án đầu tư, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Điều này, doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trước khi thực hiện việc điều chỉnh dự án đầu tư.* *2. Trường hợp đáp ứng điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư thực hiện như sau:* *a) Đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư được chấp thuận theo quy định tại Điều 29 của Luật này và dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định tại Điều 41 của Luật này;* *b) Đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, việc chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản cho nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư sau khi chuyển nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan*". - Khoản 1 Điều 108 Luật Lâm nghiệp quy định: "*Chủ rừng đã được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng trước ngày Luật này có*		

		hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn được giao, cho thuê;…”. - Điều 175 Luật Đất đai 2013 quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm; tại điểm c khoản 1 quy định: *“Bán tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 189 …”;* điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất trường hợp thu tiền hàng năm: khi bán, mua tài sản gắn liền với đất tại khoản 3 Điều 189 quy định *“Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án".* Từ thực tế trên địa bàn tỉnh đang xử lý tồn tại việc chuyển nhượng dự án/ bán tài sản trên đất theo các quy định của Luật Đất đai và Luật Đầu tư có liên quan đến rừng phòng hộ; hiện nay, dự thảo Luật Đất đai đã sửa đổi đồng nhất giữa 02 luật trên nhưng hiện chưa ban hành.		
3	Nghị định số 35/019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)	- Khoản 6 Điều 6 quy định: “*Trường hợp một hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại nhiều loại rừng: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc tang vật vi phạm gồm nhiều loại lâm sản khác nhau nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thì xác định tiền phạt của hành vi vi phạm theo từng loại rừng hoặc từng loại lâm sản*”; trong thực tế có trường hợp đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm gây thiệt hại nhiều loại rừng hoặc có tang vật vi phạm gồm nhiều loại lâm sản khác nhau, tuy diện tích của mỗi loại rừng hoặc khối lượng của mỗi loại lâm sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng tổng diện tích hoặc tổng khối lượng lâm sản lại vượt quá mức tối đa xử lý vi phạm hành chính đối với loại rừng hoặc loại lâm sản có giá trị bảo tồn thấp nhất (rừng sản xuất hoặc gỗ thông thường); ngày 24/02/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT có Văn bản số 985/BNN-	Đề nghị xem xét, sửa đổi nội dung quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật (*trước đây Thông tư Liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA -VKSNDTC-TANDTC có quy định cụ thể nội dung tương tự*)	

		TCLN về việc trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới sau kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV cho rằng nội dung quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP đã phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự và nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính; tuy nhiên, Chi cục Kiểm lâm cho rằng việc áp dụng quy định trên là chưa phù hợp với thực tiễn và chưa đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của quy định pháp luật; vì vậy, cần nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn. Ví dụ: có 02 đối tượng vi phạm A và B cùng thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật gây thiệt hại 6.000 m^2 rừng; trong đó: + Đối tượng A: gây thiệt hại 6.000 m^2 rừng sản xuất, vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP; vì vậy, đối tượng A sẽ bị xử lý hình sự về Tội Hủy hoại rừng theo Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). + Đối tượng B: gây thiệt hại 4.000 m^2 rừng sản xuất và 2.000 m^2 rừng phòng hộ; áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP thì đối tượng B chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi phá rừng trái pháp luật theo quy định tại điểm c khoản 7 và điểm b khoản 9 Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP; mặc dù đánh giá về mức độ thiệt hại thì đối tượng B gây thiệt hại ở mức nghiêm trọng hơn.		
		Điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định: "*Buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ môi trường rừng và tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả (nếu có) tương ứng với số tiền và thời gian chậm chi trả trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này*"; nội dung quy định này vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, gây khó khăn trong quá trình áp dụng trong thực tiễn; cụ thể như sau: theo quy định trên thì cá nhân/tổ chức vi phạm bị buộc chi trả đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm	Đề nghị có hướng dẫn cụ thể đối với nội dung quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2022/NĐ-CP).	

		chi trả và tiền lãi phát sinh, như vậy số tiền này được vào kho bạc nhà nước hay nộp vào cơ quan quỹ bảo vệ và phát triển rừng tại nơi vi phạm; đồng thời, thời gian chậm chi trả để tính số tiền lãi phát sinh từ việc chậm chi trả được tính từ ngày có hành vi vi phạm đến ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hay đến ngày đối tượng vi phạm chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm cả hình thức xử phạt chính và biện pháp khắc phục hậu quả).		
4	Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức quy định: "*Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, **các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ**, thái độ tiếp thu và sửa chữa, việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả đã gây ra*"; tuy nhiên, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP chưa quy định cụ thể các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật.	Đề nghị bổ sung các điều, khoản quy định tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật trong Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.	
		Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định về mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau: "*a) …hậu quả **ít nghiêm trọng** là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại **không lớn**…; b) …hậu quả **nghiêm trọng** là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại **lớn**…; c)…hậu quả **rất nghiêm trọng** là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại **rất lớn**…; d)… hậu quả **đặc biệt nghiêm trọng** là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại **đặc biệt lớn**…*"; nội dung quy định trên vẫn còn chung chung, chưa cụ thể, vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau và gây khó khăn trong quá trình áp dụng của các cơ quan, đơn vị tại địa phương.	Đề nghị phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết về mức độ của hành vi vi phạm để làm căn cứ xem xét xử lý kỷ luật phù hợp với từng ngành, lĩnh vực và tình hình thực tế của từng địa phương.	
		Thời hiệu xử lý kỷ luật của công chức và kỷ luật Đảng chưa có sự thống nhất, đồng bộ nên khó khăn trong việc đề nghị thi hành kỷ luật của công chức và đảng viên.	Đề nghị quy định thống nhất thời hiệu xử lý kỷ luật giữa công chức và kỷ luật đảng viên để triển	

			khai thực hiện đồng bộ tại địa phương, đơn vị.	
5	Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	Tại Điều 6, khoản 2, điểm b quy định: "*Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án khai thác đối với trường hợp quy định tại* ***điểm đ khoản 1 Điều này do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư;*** *khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý*".	Đề nghị sửa đổi quy đinh tại điểm b khoản 2 Điều 6 thành: "*Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Phương án khai thác đối với trường hợp quy định tại* ***điểm e khoản 1 Điều này do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư****; khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng sản xuất là rừng tự nhiên do cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư quản lý*" để phù hợp với quy định có liên quan.	

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CCT, các PCCT;
- Lưu: VT, TTPC.

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÂM ĐỒNG

Vũ Đình Cường